

**Động cơ bước**  
**EMMS-ST-42-S-SB-G2**  
Số bộ phận: 1370472

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                                 | Giá trị                                               |
|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                                           | -10 °C...50 °C                                        |
| Nhiệt độ bảo quản                                                        | -20 °C...70 °C                                        |
| Độ ẩm tương đối                                                          | 0 - 85 %                                              |
| Tuân theo tiêu chuẩn                                                     | IEC 60034                                             |
| Lớp bảo vệ cách nhiệt                                                    | B                                                     |
| Lớp nhiệt theo EN 60034-1                                                | B                                                     |
| Loại đo theo EN 60034-1                                                  | S1                                                    |
| Mức độ bảo vệ                                                            | IP54                                                  |
| Công nghệ kết nối điện                                                   | Phích cắm                                             |
| Ghi chú vật liệu                                                         | Tuân thủ RoHS                                         |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                                     | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                              |
| Tuân thủ LABS                                                            | VDMA24364-B2-L                                        |
| Giấy phép                                                                | Dấu RCM<br>c UL us - Recognized (OL)                  |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)                                      | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU   |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)                                    | theo quy định UK cho EMV<br>theo các quy định UK RoHS |
| Điện áp hoạt động danh định DC                                           | 48 V                                                  |
| Mô-men xoắn giữ động cơ                                                  | 0.5 N m                                               |
| Số vòng quay tối đa                                                      | 1740 1/phút                                           |
| Góc bước ở bước đầy đủ                                                   | 1.8 °                                                 |
| Dung sai góc bước                                                        | ±5 %                                                  |
| Dòng điện danh định động cơ                                              | 1.8 A                                                 |
| Pha không đổi điện áp                                                    | 23 mVmin                                              |
| Pha điện trở cuộn dây                                                    | 1.75 Ohm                                              |
| Giai đoạn điện cảm quanh co trên mỗi giai đoạn riêng lẻ (không liên kết) | 3.3 mH                                                |
| Mô men quán tính khối lượng rô to                                        | 0.082 kgcm <sup>2</sup>                               |
| tổng mômen quán tính đầu ra                                              | 0.095 kgcm <sup>2</sup>                               |
| trọng lượng sản phẩm                                                     | 540 g                                                 |
| Tải trọng trục dọc trục cho phép                                         | 7 N                                                   |
| Tải trọng trục hướng tâm cho phép                                        | 20 N                                                  |

| Đặc tính                              | Giá trị                 |
|---------------------------------------|-------------------------|
| Mô men giữ phanh                      | 0.4 N m                 |
| Điện áp vận hành DC phanh             | 24 V                    |
| Mức tiêu thụ năng lượng phanh         | 8 W                     |
| Mô men quán tính khối lượng của phanh | 0.013 kgcm <sup>2</sup> |